

Số: 581/QĐ-LMHTXVN

Hà Nội, ngày 28 tháng 12 năm 2022

QUYẾT ĐỊNH

**Về việc công bố công khai phân bổ dự toán NSNN năm 2023
của Liên minh HTX Việt Nam**

CHỦ TỊCH LIÊN MINH HỢP TÁC XÃ VIỆT NAM

Căn cứ Quyết định số 1328/QĐ-TTg ngày 23/7/2021 của Thủ tướng Chính phủ Phê duyệt Điều lệ Liên minh Hợp tác xã Việt Nam;

Căn cứ Nghị định 163/2016/NĐ-CP ngày 21/12/2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;

Căn cứ Thông tư số 61/2017/TT-BTC ngày 15/6/2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện công khai ngân sách đối với đơn vị dự toán ngân sách, các tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ;

Căn cứ Thông tư 90/2018/TT-BTC ngày 28/9/2018 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư 61/2017/TT-BTC ngày 15/6/2017;

Xét đề nghị của Trưởng Ban Kế hoạch - Hỗ trợ tại Tờ trình số 266/TT-KHHT ngày 28/12/2022 về công bố công khai phân bổ dự toán NSNN năm 2023 của Liên minh HTX Việt Nam,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công bố công khai số liệu phân bổ dự toán NSNN năm 2023 (theo các biểu mẫu đính kèm).

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Điều 3. Trưởng Ban Kế hoạch - Hỗ trợ, Chánh Văn phòng Liên minh HTX Việt Nam, Thủ trưởng các đơn vị trực thuộc có trách nhiệm thực hiện Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Bộ Tài chính;
- Các đơn vị sự nghiệp trực thuộc;
- Công TTĐT LMHTXVN;
- Lưu VP, KHHT.



CHỦ TỊCH

Nguyễn Ngọc Bảo

Trong đó														
Nội dung	Tổng số được giao	Tổng số đã phân bổ	Vốn phòng Liên minh HTX Việt Nam	Viện KHICN & MT	Trung tâm các CTKTXH	Trung tâm Xúc tiến Thương mại Liên minh HTX Việt Nam	Viện phát triển kinh tế hợp tác	Tập chí kinh doanh	Trường Bồi dưỡng cán bộ	Trường Trung cấp nghề KT - KT và Đào tạo cán bộ HTX miền Nam	Trường Cao đẳng Kinh tế - Kỹ thuật TW	Trường Trung cấp Kỹ thuật - Công nghệ của Bộ HTX miền Trung, Tây Nguyên	Trường Cao đẳng nghề KT - KT Bắc bộ	Trường Cao đẳng nghề Kỹ thuật - Nghề VN
(2) Nội dung thành phần số 11. Tổng cường công tác giám sát, đánh giá thực hiện Chương trình, nâng cao năng lực xây dựng NTM; truyền thông về xây dựng NTM; thực hiện Phong trào thi đua cả nước chung sức xây dựng NTM (MA 0490 - 0502)	500.000.000	500.000.000											250.000.000	250.000.000
- Nội dung 02: Tập tục ứng dụng công nghệ cao trong việc chuyển đổi nhận thức, tư duy cho đội ngũ cán bộ làm công tác xây dựng NTM các cấp, đặc biệt cán bộ cơ sở	500.000.000	500.000.000											250.000.000	250.000.000
Tổ chức triển khai hội nghị tập huấn nâng cao năng lực, chuyển đổi nhận thức, tư duy cho đội ngũ cán bộ làm công tác xây dựng NTM các cấp, đặc biệt cán bộ cơ sở	500.000.000	500.000.000											250.000.000	250.000.000
1.5. CTMTQC GIÁM NGHIỆU BÊN VÙNG	14.306.000.000	14.306.000.000	1.100.000.000				300.000.000				300.000.000		300.000.000	300.000.000
Loại 070 - 098:														
DA 7: Nâng cao năng lực và giám sát, đánh giá Chương trình (MA 0470 - 0477)	2.300.000.000	2.300.000.000	1.100.000.000				300.000.000				300.000.000		300.000.000	300.000.000
1.5.1. Kinh phí chỉ không thường xuyên:														
Trên địa bàn 1. Nâng cao năng lực thực hiện Chương trình: Tập huấn, bồi dưỡng kiến thức, kỹ năng, nghiệp vụ cho đội ngũ cán bộ làm công tác giám nghe; tổ chức hội thảo, hội nghị và các hoạt động khác về công tác giám nghe.	1.500.000.000	1.500.000.000	300.000.000				300.000.000				300.000.000			
Trên địa bàn 2 Giám sát, đánh giá: Kiểm tra, giám sát, đánh giá kết quả thực hiện các chương trình, dự án giảm nghèo định kỳ, hàng năm hoặc đột xuất	800.000.000	800.000.000	800.000.000										300.000.000	300.000.000
Loại 070 - 098														
DA 4: Phát triển giáo dục nghề nghiệp, việc làm bền vững (MA 0470 - 0474)	12.006.000.000	12.006.000.000										12.006.000.000		
1.5.1. Kinh phí chỉ không thường xuyên:														
Trên địa bàn 1. Phát triển giáo dục nghề nghiệp vùng nghèo, vùng khó khăn	12.006.000.000	12.006.000.000												
- Sửa chữa, bảo dưỡng Trường trung cấp Kinh tế Kỹ thuật và đào tạo cán bộ HTX miền Trung, Tây Nguyên	1.170.000.000	1.170.000.000										12.006.000.000		
- Mua sắm trang thiết bị, phương tiện đào tạo	10.836.000.000	10.836.000.000												
2. QUẢN LÝ HÀNH CHÍNH	23.730.000.000	23.730.000.000	23.730.000.000											
Loại 340 - 362														
2.1. Kinh phí không thực hiện tự chi:	23.280.000.000	23.280.000.000	23.280.000.000											
2.1.1. Lương và các khoản có tính chất lương, các khoản đóng góp	23.280.000.000	23.280.000.000	23.280.000.000											
2.1.1.1. Lương và các khoản có tính chất lương, các khoản đóng góp	9.684.000.000	9.684.000.000	9.684.000.000											
2.1.2. Chi theo định mức phân bổ 100 định biên x 70 triệudinh biên	7.000.000.000	7.000.000.000	7.000.000.000											
2.1.4. Các nhiệm vụ đặc thù:	6.596.000.000	6.596.000.000	6.596.000.000											
Cùng chi phí của chi bộ 14/HTXVN làm việc tại địa phương, các HTX: Chi đạo phòng (trên biên chế) các nhiệm vụ theo Quyết định 226/T.ĐD-17g, Quyết định 445.ĐD-17g và Chỉ thị số 19/CT-17g	1.200.000.000	1.200.000.000	1.200.000.000											
Kinh phí truyền truyền, vận động phát triển kinh tế HTX	500.000.000	500.000.000	500.000.000											
Khen thưởng tập thể, cá nhân HTX điển hình	500.000.000	500.000.000	500.000.000											
Kinh phí hội nghị: Ban Chấp hành, Ban Thường vụ, hội thảo chuyên đề	1.000.000.000	1.000.000.000	1.000.000.000											
Mua sắm tài sản, thiết bị phục vụ công tác chuyên môn	718.000.000	718.000.000	718.000.000											
Chi tập huấn nghiệp vụ, chi đào tạo chuyên môn: Kinh phí hội nghị tập huấn cán bộ HTX, học tập, nghiên cứu, quản trị, triển khai Nghị quyết mới của Ban chấp hành T.Ư về kinh tế tập thể, kinh phí công tác đầu tư khoa học và hợp tác xã.....	2.148.000.000	2.148.000.000	2.148.000.000											
Chi phí thông truyền mạng Internet	530.000.000	530.000.000	530.000.000											

Nội dung		Tổng số được giao	Tổng số đã phân bổ	Trong đó											
				Văn phòng Liên minh HTX Việt Nam	Viện KHCN & MT	Trung tâm các CTKTXH	Trung tâm Xúc tiến Liên minh HTX Việt Nam	Viện phát triển kinh tế hợp tác	Tập chí kinh doanh	Trường Bài đường cao bộ	Trường Trung cấp nghề KT - KT và Đào tạo cán bộ HTX miền Nam	Trường Cao đẳng Kinh tế - Kỹ thuật TW	Trường Trung cấp KT-KT và Đào tạo cán bộ HTX miền Trung, Tây Nguyên	Trường Cao đẳng nghề KT-KT Bắc bộ	Trường Cao đẳng nghề Kỹ thuật - Nghề VN
Loại 340 - 368		450.000.000	450.000.000	450.000.000											
2.2. Kinh phí không thực hiện tự chủ:															
Đóng niên kiểm cho các tổ chức quốc tế		450.000.000	450.000.000	450.000.000											
3. NGHIÊN CỨU KHOA HỌC 100		6.250.000.000	6.250.000.000	950.000.000	800.000.000			2.670.000.000	200.000.000	400.000.000	230.000.000			1.000.000.000	
(Loại 100 - 103) Khoa học công nghệ khác		2.700.000.000	2.700.000.000	550.000.000				1.720.000.000	200.000.000		230.000.000				
3.1. Kinh phí chi không thường xuyên, gồm:		2.700.000.000	2.700.000.000	550.000.000				1.720.000.000	200.000.000		230.000.000				
- Thực hiện nhiệm vụ của Liên minh HTX Việt Nam		1.720.000.000	1.720.000.000					1.720.000.000							
- Tập huấn, đào tạo về khoa học công nghệ cho khu vực kinh tế tập thể, Hợp tác xã		350.000.000	350.000.000	350.000.000											
- Tập huấn chuyển giao công nghệ, ứng dụng công nghệ chuyển đổi số cho các HTX khu vực phía Nam		230.000.000	230.000.000							400.000.000					
- Xây dựng chuyên mục về khoa học, kỹ thuật phục vụ sản xuất, chế biến của khu vực kinh tế hợp tác, HTX		200.000.000	200.000.000							400.000.000					
- Kinh phí Quản lý khoa học		200.000.000	200.000.000	200.000.000					200.000.000						
Loại 100 - 102: Khoa học xã hội và nhân văn		2.550.000.000	2.550.000.000	400.000.000	800.000.000			950.000.000							
3.2. Kinh phí thực hiện nhiệm vụ khoa học công nghệ, gồm:		2.550.000.000	2.550.000.000	400.000.000	800.000.000			950.000.000							
Đề tài: Nghiên cứu ứng dụng công nghệ sinh sản, công nghệ điều khiển giới tính và công nghệ định hướng giúp tăng năng suất sinh sản và hiệu quả chăn nuôi của đàn lợn của các HTX chăn nuôi khu vực phía Bắc		450.000.000	450.000.000					450.000.000							
Đề tài: Nghiên cứu thực trạng, đề xuất giải pháp phát triển hợp tác xã hoạt động du lịch cộng đồng, sinh thái ở các vùng nông thôn Việt Nam		500.000.000	500.000.000					500.000.000							
Đề tài: Nghiên cứu xây dựng giải pháp tình hình học nhằm cải tạo đất, nâng cao năng suất chất lượng cây được liệu tại khu vực miền Trung, Tây Nguyên.		500.000.000	500.000.000												
Đề tài: Ứng dụng khoa học kỹ thuật, hoàn thiện quy trình chăm sóc, chế biến, bảo quản thực phẩm từ rau quả tươi sạch và chuyển giao công nghệ sản xuất cho các HTX khu vực miền núi phía Bắc		300.000.000	300.000.000												
Đề tài: Nghiên cứu kinh nghiệm quốc tế về liên kết, hợp tác thành HTX quy mô lớn và đề xuất giải pháp cho Việt Nam.		400.000.000	400.000.000	400.000.000						400.000.000					
Đề tài: Đề xuất giải pháp ứng dụng marketing hiện đại vào các hợp tác xã nông nghiệp		400.000.000	400.000.000												
Loại 100 - 101: Khoa học tự nhiên và kỹ thuật		1.000.000.000	1.000.000.000											1.000.000.000	
3.3. Kinh phí thực hiện nhiệm vụ khoa học công nghệ, gồm:		1.000.000.000	1.000.000.000											1.000.000.000	
Đề tài: Nghiên cứu, thiết kế, chế tạo, chuyển giao máy chế biến neri ra thành nguyên liệu làm đồ gia dụng thân thiện với môi trường thay thế sản phẩm nhựa dẻo phân hủy		400.000.000	400.000.000												400.000.000
Đề tài: Nghiên cứu, thiết kế, chế tạo máy ép và robot cấp liệu, lắp ráp phần ứng dụng PLC HMI và khí nén phục vụ sản xuất các đồ gia dụng sinh từ các sản phẩm nông lâm sản		600.000.000	600.000.000												
4. SỰ NGHIỆP MÔI TRƯỜNG		3.500.000.000	3.500.000.000	300.000.000	1.000.000.000			1.800.000.000						600.000.000	
Loại 250 - 278		1.500.000.000	1.500.000.000	300.000.000				800.000.000							
4.1. Kinh phí chi không thường xuyên, gồm:		1.500.000.000	1.500.000.000	300.000.000				800.000.000							
- Nhiệm vụ: Xây dựng mô hình xử lý chất thải hữu cơ trong nông nghiệp tạo sinh khối có giá trị dinh dưỡng phục vụ chăn nuôi và trồng trọt tại các HTX nông nghiệp vùng đồng bằng sông Hồng.		400.000.000	400.000.000					400.000.000							
- Nhiệm vụ: Xây dựng mô hình hợp tác xã kinh tế sinh thái và môi trường nông nghiệp vùng đồng bằng sông Hồng hướng tới phát triển bền vững, bảo vệ môi trường		400.000.000	400.000.000					400.000.000							

Trong đó												
Nội dung	Tổng số được giao	Tổng số đã phân bổ	Văn phòng Liên minh HTX Việt Nam	Viện KHCN & MT	Trung tâm các CT/KTXH	Trung tâm Xúc tiến Thương mại Liên minh HTX Việt Nam	Viện phát triển kinh tế hợp tác	Tập chi kinh doanh	Trường Bồi dưỡng cán bộ	Trường Trung cấp nghề KT - KT và Đào tạo cán bộ HTX miền Trung, Tây Nguyên	Trường Cao đẳng nghề KT-KT Bắc bộ	Trường Cao đẳng nghề Kỹ thuật - Nghề VN
Nội dung thành phần số 11. Tổng cường công tác giám sát, đánh giá thực hiện Chương trình; nâng cao năng lực xây dựng NTM; truyền thông về xây dựng NTM; thực hiện Phong trào thi đua cả nước chung sức xây dựng NTM (M8 0490 - 0502)	1.000.000.000	1.000.000.000	800.000.000					200.000.000				
Nội dung 01. Nâng cao chất lượng và hiệu quả công tác kiểm tra, giám sát, đánh giá kết quả thực hiện Chương trình; xây dựng hệ thống giám sát, đánh giá đồng bộ, toàn diện đáp ứng yêu cầu quản lý Chương trình, đặc biệt xây dựng hệ thống giám sát thông qua báo cáo và sơ đồ liên, nhận rộng mở hình thức giám sát an ninh hiện đại và giám sát của cộng đồng	500.000.000	500.000.000	500.000.000									
Từ chức kiểm tra giám sát các nội dung thực hiện Chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới của Liên minh HTX Việt Nam trên địa bàn toàn quốc.	500.000.000	500.000.000	500.000.000									
Nội dung 04. Đẩy mạnh, đa dạng hình thức thông tin, truyền thông nhằm nâng cao nhận thức, chuyển đổi tư duy của cán bộ, người dân về xây dựng NTM; thực hiện có hiệu quả công tác truyền thông về xây dựng NTM	500.000.000	500.000.000	300.000.000					200.000.000				
Truyền truyền chủ trương, đường lối, chính sách của Đảng và Nhà nước về Chương trình xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021-2025; truyền truyền về liên kết sản xuất, tiêu thụ sản phẩm theo chuỗi giá trị sản phẩm; truyền truyền về mô hình HTX hình thành từ các tổ hợp tác; truyền truyền kết quả thực hiện phong trào thi đua chung sức xây dựng nông thôn mới; truyền truyền về mô hình sản xuất tiêu biểu trong xây dựng nông thôn mới	500.000.000	500.000.000	300.000.000					200.000.000				
6.3. CTMTQG Giảm nghèo bền vững	3.100.000.000	3.100.000.000	1.200.000.000					1.900.000.000				
Loại 160 - 171:												
Dự án 6: Truyền thông và giảm nghèo về thông tin (M80470 - 0170)	3.100.000.000	3.100.000.000	1.200.000.000					1.900.000.000				
3.1. Kinh phí chỉ không hưởng xuyên, gồm:												
Trên địa bàn 1 Giảm nghèo về thông tin: Nâng cao năng lực cho cán bộ thông tin và truyền thông; Thông tin, truyền truyền, phổ biến giáo dục pháp luật....	1.500.000.000	1.500.000.000	700.000.000					800.000.000				
Trên địa bàn 2 Truyền thông và giảm nghèo đa chiều: Truyền truyền, giáo dục, nâng cao nhận thức và trách nhiệm các cấp, các ngành và toàn xã hội về công tác giảm nghèo	1.600.000.000	1.600.000.000	500.000.000					1.100.000.000				
6.4. CTMTQG PHÁT TRIỂN KTXH VÙNG ĐBĐTS&MN	22.429.000.000	22.429.000.000	10.000.000.000	12.429.000.000								
Loại 160 - 171: Mã CTMTQG 0510 - 0521												
Dự án từ: Truyền thông truyền truyền, vận động trong vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi. Kiểm tra, giám sát đánh giá việc tổ chức thực hiện Chương trình	22.429.000.000	22.429.000.000	10.000.000.000	12.429.000.000								
Trên địa bàn 2 - Ứng dụng công nghệ thông tin hỗ trợ phát triển kinh tế - xã hội và đảm bảo an ninh trật tự vùng đồng bào ĐBĐTS&MN: Hỗ trợ xây dựng và duy trì cơ sở hạ tầng truyền truyền vùng đồng bào ĐBĐTS&MN	22.429.000.000	22.429.000.000	10.000.000.000	12.429.000.000								
Đàn ông, tập huấn, truyền truyền nâng cao năng lực và kỹ năng vận hành TADY cho HTX và thành viên vùng ĐBĐTS và miền núi.	22.429.000.000	22.429.000.000	10.000.000.000	12.429.000.000								
Mã số đơn 1 sẽ được NSNN			1056902		1069750	1127995	1113132	1084127	1101119	1113580	1056887	1108300
Mã số Khu vực Nhà nước nơi giao dịch			0023	0012	0023	0023	0023	00023	0023	0514	0024	1961
Khu vực Nhà nước nơi giao dịch			KENN Quận Cầu Giấy	KENN Quận Ba Đình	KENN Quận Cầu Giấy	KENN Quận Cầu Giấy	KENN Quận Cầu Giấy	KENN Quận Cầu Giấy	KENN Quận Cầu Giấy	KENN Huyện Bắc Lư	KENN Huyện Cầu Bàng	KENN Huyện Gia Lâm